

BÀI 28: NẤM

Môn học: KHTN - Lớp: 6A1, 6A2, 6A3, 6A4, 6A5

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Sau khi học xong bài này, HS:

- + Quan sát và vẽ được một số đại diện nấm.
- + Nêu được sự đa dạng của nấm. Phân biệt được nấm đơn bào, nấm đa bào; nấm đảm, nấm túi; nấm ăn được, nấm đặc.
- + Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và thực tiễn. Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. Trình bày được biện pháp phòng chống bệnh do nấm.
- + Giải thích được một số khâu trong kĩ thuật trồng nấm.

2. Năng lực

- **Năng lực chung:**

- + Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân khi tìm hiểu về đa dạng nấm và vai trò của nấm; Nhận ra và điều chỉnh những hạn chế của bản thân khi tham gia thảo luận nhóm
- + Giao tiếp và hợp tác: Tập hợp nhóm theo đúng yêu cầu, nhanh và đảm bảo trật tự; xác định nội dung hợp tác nhóm trao đổi về đặc điểm của nấm men, nấm mốc, nấm rơm; Thảo luận với các thành viên trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ học tập
- + Xác định được sự tồn tại của cơ thể nấm đơn bào và cơ thể nấm đa bào trong tự nhiên
- + Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng linh hoạt các kiến thức, kĩ năng để phân biệt nấm ăn được và nấm không ăn được trong tự nhiên.

- **Năng lực khoa học tự nhiên**

- + Nhận thức khoa học tự nhiên: Nhận biết được một số đại diện nấm trong tự nhiên thông qua hình ảnh, mẫu vật (nấm đảm, nấm túi,)
- + Tìm hiểu tự nhiên: Xác định được nấm đơn bào, nấm đa bào; Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nấm
- + Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Trồng nấm rơm

3. Phẩm chất

- + Có niềm tin yêu khoa học;
- + Quan tâm đến nhiệm vụ của nhóm;
- + Có ý thức hoàn thành tốt các nội dung thảo luận trong bài học
- + Luôn cố gắng vươn lên trong học tập
- + Có ý thức tìm hiểu và bảo vệ thế giới tự nhiên.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên: tranh ảnh của một số đại diện nấm, slide bài giảng, máy chiếu, SGK,....

2. Đối với học sinh : vở ghi, sgk, đồ dùng học tập và chuẩn bị từ trước

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (MỞ ĐẦU)

a. Mục tiêu: tạo hứng thú cho HS tìm hiểu về bài học

b. Nội dung: HS quan sát SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: Từ bài HS vận dụng kiến thức để trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d. Tổ chức thực hiện:

- *Gv dẫn dắt, đặt vấn đề từ câu hỏi phân khởi động:*

Trong tự nhiên, có nhiều loại nấm ăn được có giá trị dinh dưỡng cao nhưng cũng có nhiều loại nấm độc, gây bệnh, làm hỏng thực phẩm. Vậy các loại nấm đó có đặc điểm gì khác nhau?

- *GV trình chiếu hình ảnh về một số loài nấm*, hỏi HS cách phân biệt nấm ăn được là nấm độc. HS sẽ cảm thấy bối rối vì rất khó xác định được 2 loại nấm trên. Từ đó, GV định hướng: khi đi tìm hiểu ngoài thiên nhiên nếu gặp bất kì loại nấm nào cũng không được đưa về chế biến nếu không rõ loại nấm đó ăn được hay không.

- *GV đặt vấn đề:* Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm những đặc điểm đặc trưng để phân biệt các loại nấm, trong đó có nấm ăn được và nấm độc.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: ĐẶC ĐIỂM CỦA NẤM

a. Mục tiêu: Thực hành quan sát một số loại nấm

b. Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn cho HS quan sát nấm bằng mắt thường và bằng kính lúp, nhận biết cây nấm và nhận dạng được một số đại diện nấm phổ biến trong đời sống. GV yêu cầu HS làm bộ sưu tập ảnh về nấm và thảo luận các câu hỏi trong SGK. <i>1. Gọi tên một số nấm thường gặp trong đời sống.</i> <i>2. Vẽ sợi nấm mốc và một số loại nấm lớn mà em quan sát được.</i> GV yêu cầu: vẽ mô phỏng được sợi nấm mốc và phác họa được nấm rơm, nấm hương. - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập + HS Hoạt động theo nhóm quan sát tranh ảnh trả lời câu hỏi và vẽ mô phỏng lại theo những gì em quan sát - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận	1. Đặc điểm của nấm Một số nấm thường gặp trong đời sống: Nấm rơm, nấm hương, nấm kim châm, nấm mộc nhĩ, nấm linh chi, ... * Quan sát một số loại nấm (nấm lớn, nấm mốc) - HS tự vẽ mô phỏng được sợi nấm mốc và phác họa được nấm rơm, nấm hương.

GV gọi HS trả lời, HS còn lại nghe và nhận xét - Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập Gv đánh giá kết quả hoạt động của HS	
--	--

Hoạt động 2: Tìm hiểu sự đa dạng của nấm

a) Mục tiêu: HS tìm hiểu các loại nấm trong tự nhiên để thấy được sự đa dạng của nấm, từ đó phân biệt nấm đảm và nấm túi, nấm đơn bào và nấm đa bào, nấm ăn được và nấm độc

b. Nội dung: HS đọc SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm:

HS đưa ra được câu trả lời phù hợp với câu hỏi GV đưa ra

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức trò chơi đuổi hình bắt chữ giúp HS hệ thống hóa sự có mặt của các dạng nấm trong tự nhiên và trong đời sống. Đồng thời, GV hướng dẫn HS gọi đúng tên các loại nấm đã nhận biết trong phần thực hành GV chuẩn bị bộ ảnh về đa dạng nấm và hướng dẫn HS quan sát hình 28.1 của SGK, thảo luận nhóm, thực hiện các yêu cầu tiếp theo của SGK Quan sát hình 28.1, 28.2 và trả lời câu hỏi từ 3 đến 5: 3. <i>Hãy nhận xét về hình dạng của nấm</i> 4. <i>Em hãy phân biệt nấm túi và nấm đảm. Các loại nấm em quan sát ở hoạt động thực hành thuộc nấm đảm hay nấm túi?</i> 5. <i>Hãy chỉ ra điểm khác biệt giữa cấu tạo cơ thể nấm độc và các loại nấm khác.</i> 6. <i>Đặc điểm cấu tạo tế bào nấm men có gì khác với cấu tạo tế bào các loài nấm còn lại? Từ đó, em hãy phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào.</i> Sau khi HS hoạt động trả lời xong, Gv đưa ra câu hỏi củng cố: + <i>Em hãy xác định môi trường sống của một số nấm bằng cách hoàn thành bảng theo mẫu.</i> + <i>Kể tên một số loại nấm ăn được mà em biết</i> - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập	b. Tìm hiểu sự đa dạng của nấm - Hình dạng của nấm đa dạng: hình bầu dục, hình cốc, hình mũ, hình sợi,.... - Có thể phân biệt nấm túi và nấm đảm dựa vào cơ quan sinh sản là bào tử. Nấm túi có túi bào tử, trong khi nấm đảm có đảm bào tử. Trong phần thực hành, nấm đảm gồm có nấm hương, nấm rơm, nấm mộc nhĩ, nấm độc đỏ, nấm sò, ...; nấm túi gồm có nấm mốc, nấm cốc, nấm bụng dê, ... - Điểm khác biệt giữa cấu tạo cơ thể nấm độc và các loại nấm khác: + Nấm thường được sử dụng làm thức ăn: nấm hương, nấm sò, nấm mộc nhĩ, nấm bụng dê, nấm kim châm, rơm rơm,.... + Nấm không nên ăn: nấm mốc cà chua (có thể gây đau bụng hoặc ngộ độc khi ăn phải) + Nấm độc: nấm độc đỏ, nấm độc tán trắng. + Cấu tạo chung của nấm gồm có mũ nấm, cuống nấm và sợi nấm. Nấm độc thường có thêm một số bộ phận như vòng cuống nấm, bao gốc nấm và thường có màu sắc sặc sỡ.

+ HS Hoạt động theo nhóm, chơi trò chơi và thực hiện nhiệm vụ

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Một HS lên bảng chữa, các học sinh khác làm vào vở

- Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

GV bổ sung giới thiệu thêm những loại nấm độc ở Việt Nam như:

+ Nấm độc tán trắng: gây ra tình trạng suy gan, suy thận nặng thậm chí là tử vong



+ Nấm phiến đóm chuông: có kích thước mini lại chứa chất độc gây ảo giác mạnh.



- Đặc điểm cấu tạo tế bào nấm men khác với cấu tạo tế bào các loài nấm còn lại:

+ Nấm men có cơ thể cấu tạo chỉ gồm 1 tế bào nên gọi là nấm đơn bào; các loài nấm còn lại trong hình 28.1 có hệ sợi nấm cấu tạo từ nhiều tế bào nên được gọi là nấm đa bào.

+ Nấm đơn bào chỉ có một tế bào. Nấm đa bào có hệ sợi nấm đa bào.

- Môi trường sống của một số loài nấm:

Tên nấm	Môi trường
Nấm rơm	Rơm rạ
Nấm mộc nhĩ	Thân cây gỗ mục, môi trường ẩm
Nấm mốc	Quần áo, tường ẩm, đồ dùng, trên cơ thể sinh vật,...
Nấm cóc	Thân cây mục
Nấm độc tán trắng	Trong rừng những nơi môi trường ẩm

II. VAI TRÒ CỦA NẤM

Hoạt động 3: Tìm hiểu vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn, nhận biết các loại nấm có ích, nấm có hại, biết được hiện nay con người đã nghiên cứu và sản xuất ra một số chế phẩm sinh học từ nấm

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập GV tổ chức trò chơi Những mảnh ghép hoàn hảo. Trong bức tranh có xác sinh vật, HS dùng mảnh ghép đặt đúng vị trí của nấm trong tự nhiên. GV giới thiệu hình 28.3, hình 28.4 trong SGK, yêu cầu HS quan sát và liên hệ thực tế. GV chiếu ảnh về vai trò của nấm, tổ chức trò chơi nhận biết các loại nấm dùng làm thức ăn, làm thực phẩm chức năng, làm rượu, ... GV hướng dẫn và yêu cầu HS thảo luận các nội dung câu hỏi trong SGK. 7. Quan sát hình 28.3, em hãy nêu vai trò của nấm trong tự nhiên. 8. Từ thông tin gợi ý trong hình 28.4, em hãy nêu vai trò của nấm đối với đời sống con người. - Sau đó yêu cầu HS trả lời câu hỏi củng cố: * Hãy kể tên một số nấm có giá trị trong thực tiễn. - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc thông tin và tìm kiếm thông tin trả lời cho câu hỏi 8 - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận GV gọi HS trả lời, HS còn lại nghe và nhận xét - Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV gợi ý HS rút ra kết luận như SGK.	2. Vai trò của nấm a. Tìm hiểu vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn * Trong tự nhiên : + Nấm có vai trò phân huỷ xác sinh vật (thực vật, động vật), làm sạch môi trường. * Trong đời sống con người: + Nấm được sử dụng làm thức ăn: nấm rơm, nấm hương, nấm mộc nhĩ, ... + Nấm được sử dụng làm tác nhân lên men trong sản xuất rượu, bia, bánh mì, ...: nấm men. + Nấm được sử dụng làm thực phẩm chức năng bổ dưỡng cho cơ thể: nấm linh chi, nấm vân chi. + Nấm được sử dụng làm thuốc trừ sâu sinh học: một số loài nấm có khả năng kí sinh trên cơ thể sâu làm ngừng trệ các quá trình sống của sâu. Một số nấm có giá trị trong thực tiễn: + Nấm là thực phẩm có giá trị dinh dưỡng cao nên nhiều loài nấm được dùng làm thức ăn như nấm hương, nấm rơm, nấm bụng dê, nấm sò, nấm kim châm, ... + Trong sản xuất rượu, bia, nấm men tham gia vào quá trình lên men rượu, bia. + Trong làm bánh mì, nấm men nở tham gia quá trình ủ bột, làm cho bột tơi, xốp và nở to.

Hoạt động 4: Tìm hiểu một số bệnh do nấm gây ra

a. Mục tiêu: HS nhận biết một số bệnh do nấm gây ra ở người nhận biết sự lây lan của bệnh và nêu một số biện pháp phòng, chống bệnh do nấm

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	b. Tìm hiểu một số bệnh do nấm gây ra

GV chuẩn bị tranh ảnh về các loại bệnh do nấm cùng với nguồn ảnh từ thực tế, yêu cầu HS quan sát ảnh và hình 28.5 trong SGK, hướng dẫn HS thảo luận nhóm và thực hiện các yêu cầu tiếp theo của SGK 9. <i>Quan sát hình 28.5, hãy kể tên một số bệnh do nấm gây ra. Các bệnh đó có biểu hiện như thế nào?</i> 10. <i>Từ thông tin gợi ý trong hình 28.6, nêu con đường lây truyền bệnh do nấm gây ra</i> - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc thông tin và tìm kiếm thông tin trả lời cho câu hỏi 9,10 - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận GV gọi HS trả lời, HS còn lại nghe và nhận xét - Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV gợi ý HS rút ra kết luận như SGK. GV bổ sung kiến thức, đọc thêm về nấm mốc và penicillin trong SGK	- Một số bệnh do nấm gây ra những biểu hiện như: + Bệnh nấm da tay: Trong lòng bàn tay có những mảng da đỏ, có vảy, ngứa, nhức + Bệnh viêm phổi do nấm: Sốt cao, ho khan, đau tức ngực + Bệnh nấm mốc cá: Da tróc vảy, xuất hiện mảng mốc trắng trên vảy tróc, cá bơi lội bất thường, thỉnh thoảng nhảy cao, bùng lên khỏi mặt nước + Bệnh mốc xanh ở dâu tây: Trên vỏ quả xuất hiện đám mốc trắng, sau chuyển dần thành màu xám, quả bí khô. - Nấm mốc thường xuất hiện khi thời tiết ẩm. Con người tiếp xúc với đối tượng bị nhiễm nấm hoặc nơi đã có nấm mốc sẽ bị lây nhiễm, Một số con đường có thể làm lây truyền bệnh do nấm như: + Tiếp xúc trực tiếp với đối tượng (như người hay vật nuôi) bị nhiễm nấm + Dùng chung đồ với người bị nhiễm nấm + Tiếp xúc với môi trường ô nhiễm; bụi, đất chứa nấm gây bệnh. Một số biện pháp phòng chống các bệnh thường gặp do nấm: + Hạn chế tiếp xúc với mầm bệnh, nguồn bệnh, đặc biệt nơi môi trường ẩm mốc + Bảo hộ an toàn khi tiếp xúc với người bị nhiễm nấm hoặc khử trùng sau khi tiếp xúc với môi trường không an toàn với nấm mốc + Không dùng chung đồ với người bị bệnh nấm, hoặc với người khác. Quần áo sau khi mặc cần được giặt ngay, tránh treo trên giá sau đó vài ngày đưa ra mặc lại + Vệ sinh cơ thể đúng cách, đúng thời điểm, an toàn + Vệ sinh môi trường sạch sẽ.
--	--

III. KỸ THUẬT TRỒNG NẤM

Hoạt động 5: Tìm hiểu kỹ thuật trồng nấm rơm

a. Mục tiêu: HS tìm hiểu về quy trình trồng nấm rơm

b. Nội dung: HS đọc SGK và hoàn thành nhiệm vụ GV giao

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Sản phẩm dự kiến
- Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập HS làm dự án “ quy trình trồng nấm rơm” bằng cách thiết kế các khâu trong quy trình bằng hình ảnh GV chuẩn bị tranh ảnh về các giai đoạn trồng nấm hoặc một đoạn video hướng dẫn quy trình trồng nấm rơm, HS quan sát hình ảnh hoặc xem phim và thảo luận nhóm, trả lời các câu hỏi trong SGK <i>11. Tại sao người ta không trồng nấm trên đất mà phải trồng trên rơm, rạ?</i> <i>12. Có ý kiến cho rằng: “Môi trường trồng nấm rơm tốt nhất là gần địa điểm có chăn nuôi gia súc, gia cầm” Theo em, ý kiến trên đúng hay sai? Giải thích.</i> - Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập HS đọc thông tin và tìm kiếm thông tin trả lời cho câu hỏi 11,12 - Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận GV gọi HS trả lời, HS còn lại nghe và nhận xét - Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV gọi ý HS rút ra kết luận như SGK. GV bổ sung kiến thức, đọc thêm về nấm mốc và penicillin trong SGK	3. Kỹ thuật trồng nấm <i>Tìm hiểu kỹ thuật trồng nấm rơm</i> + Nấm rơm có thể trồng trên nền đất khác nhau như đất ruộng, rẫy, vườn cây, hoặc trong nhà nhưng phải thoát nước tốt, không bị ứ đọng. Nơi trồng nấm rơm phải ít bị ảnh hưởng bởi gió mạnh. + Nấm rơm thường mọc trên các giá thể ẩm nên thường được trồng trên rơm, rạ để dễ chăm sóc, dễ xử lý bệnh, không bị ứ đọng nước gây hỏng nấm khi tưới nước. + Những địa điểm có chăn nuôi gia súc, gia cầm thường dễ bị ô nhiễm, khuôn viên mất vệ sinh, ẩm thấp là điều kiện lý tưởng cho nấm mốc, các loại vi khuẩn gây bệnh phát triển. Thế nên nấm rơm trồng gần những nơi có chăn nuôi gia súc, gia cầm dễ bị ảnh hưởng, làm giảm năng suất và chất lượng của nấm.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a. Mục tiêu : Học sinh củng cố lại kiến thức.

b. Nội dung : HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm : HS làm các bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tập :

Câu 1. Dựa vào đặc điểm nào để phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào, nấm đảm và nấm túi, nấm độc và nấm không độc? Lấy ví dụ.

Câu 2. Em thấy nấm mốc thường xuất hiện ở điều kiện thời tiết nào? Kể lên những vị trí để xuất hiện nấm mốc xung quanh em.

Câu 3. Hãy nêu một số biện pháp phòng chống bệnh do nấm gây nên trên da người.

- HS làm bài tập, trình bày sản phẩm

- GV nhận xét , đánh giá :

Câu 1. Có thể dựa vào một số đặc điểm để phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào, nấm đảm và nấm túi, nấm độc và nấm không độc.

Phân biệt nấm đảm và nấm túi: Dựa vào đặc điểm của cơ quan sinh sản của nấm, ta có thể phân biệt nấm đảm và nấm túi. Nấm đảm có đảm bào tử (ví dụ nấm hương). Nấm túi có túi bào tử (ví dụ nấm mốc).

Phân biệt nấm ăn được và nấm không ăn được: Dựa vào đặc điểm cấu tạo cây nấm, ta có thể sơ bộ phân biệt nấm độc và nấm ăn được: Nấm có đủ các phần của thể quả (mũ, phiến nấm, cuống nấm, vòng cuống nấm và bao gốc nấm), đặc biệt là những loại nấm có đầy đủ vòng cuống nấm, bao gốc nấm thường là nấm độc.



Phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào: Dựa vào cấu tạo tế bào, ta có thể phân biệt nấm đơn bào và nấm đa bào. Cơ thể nấm đơn bào (ví dụ nấm men) chỉ có 1 tế bào. Nấm đa bào (ví dụ nấm mốc) có hệ sợi nấm được cấu tạo từ nhiều tế bào.

Câu 2. Nấm mốc thường xuất hiện khi thời tiết ẩm, nồm. Những vị trí dễ xuất hiện nấm mốc trong nhà: góc nhà ẩm, quần áo mặc dờ treo lâu ngày, thức ăn để lâu không được bảo quản đúng cách.

Câu 3. Biện pháp phòng chống bệnh do nấm gây nên trên da người:

- + Tránh tiếp xúc với nguồn bệnh;
- + Vệ sinh cơ thể, rửa tay đúng thời điểm;
- + Thay quần áo ngay khi đi làm về hoặc ngay sau khi tiếp xúc với môi trường ô nhiễm, nghi ngờ có nguồn bệnh
- + Vệ sinh môi trường, giữ cho môi trường thông thoáng, sạch sẽ

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a. Mục tiêu : Học sinh được củng cố lại kiến thức thông qua bài tập ứng dụng.

b. Nội dung : HS sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm : HS làm các bài tập

d. Tổ chức thực hiện:

- GV yêu cầu HS thực hiện câu hỏi vận dụng:

Nấm men được ứng dụng trong những lĩnh vực nào của đời sống con người?

- GV nghe HS phát biểu và nhận xét:

- + Nấm men được dùng phổ biến trong nhiều lĩnh vực của đời sống như sản xuất bia, bánh mì, lên men rượu, ...
- + Trong sản xuất nước tương, nước mắm, có thêm thành phần nấm men được chiết xuất sẽ giúp làm dịu đi vị chát của muối và loại bỏ mùi tanh khó chịu của cá.
- + Nước tương, nước mắm sẽ thơm ngon, tròn vị và rất đậm đà.
- + Trong sản xuất mì gói: Nấm men khi dùng để ăn với mì gói sẽ tạo cảm giác tô mì thơm ngon, ngọt nước hơn.
- + Trong sản xuất hạt nêm, nấm men được bổ sung từ 1 đến 5% giúp cho vị ngọt của đậm trong hạt nêm tăng lên đáng kể. Chiết xuất của nấm men còn có thêm chức năng làm tròn vị cho sản phẩm.
- + Trong sản xuất các loại bánh, nấm men không thể thiếu trong quá trình lên men. Một lượng nấm men phù hợp làm bánh mì thơm ngon hơn.

IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

Hình thức đánh giá	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	Ghi Chú
- Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Gắn với thực tế - Tạo cơ hội thực hành cho người học	- Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học - Hấp dẫn, sinh động - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học - Phù hợp với mục tiêu, nội dung	- Báo cáo thực hiện công việc. - Phiếu học tập - Hệ thống câu hỏi và bài tập - Trao đổi, thảo luận	

V. HỒ SƠ DẠY HỌC (Đính kèm các phiếu học tập/bảng kiểm....)

.....